

PHÀM LỆ

1. Văn khắc nhà chùa có đủ các loại hình (văn bia, văn chuông, liên đối...), nhưng trong công trình này, chúng tôi chỉ tập trung tuyển dịch văn bia. Lại nữa, chùa ở xứ Huế tuy nhiều, nhưng không phải chùa nào cũng có văn bia; nhà nghiên cứu Phật giáo Huế là Hà Xuân Liêm thống kê cho biết chỉ 22 chùa có 46 văn bia, kể cả 1 chùa làng (chùa Bác Vọng Tây), cả bia không còn đọc được (bia chùa Bảo Sơn hiện dựng trước sân Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế). Ngoài chùa chính thống thuộc Giáo hội, còn có chùa làng, trong đó cũng chỉ một ít chùa có văn bia. Ở đây, chúng tôi tuyển chọn hầu hết văn bia các chùa chính thống, còn văn bia chùa làng chỉ tuyển chọn một số mà chúng tôi cho là có nội dung đáng tham khảo (như chùa Bác Vọng Tây, chùa Sơn Tùng, chùa Tuệ Vũ...).

2. Văn bia tường thuật lai lịch và quá trình xây dựng chùa thì đặt ngay trong khuôn viên nhà chùa; văn bia tường thuật hành trạng thiền sư thì dựng trước tháp mộ. Một số tháp mộ nằm ngay trong khuôn viên chùa, nhưng phần nhiều phân bố rải rác bên ngoài khuôn viên, đôi khi rất cách xa nhau (như văn bia tháp mộ Liễu Quán), thậm chí đặt tại chùa khác là tổ đình của thiền sư ấy (như văn bia tháp mộ sư Tuệ Pháp), hoặc cả chùa và tháp đều có bia cùng nội dung (như tháp mộ Nguyên Thiều, tấm bia cổ gắn vào bình phong hậu, sau này được sao chép lại dựng ở sân chùa Quốc Ân). Để tiện tra cứu, chúng tôi xin tập hợp văn bia theo đơn vị chùa mà thiền sư ấy trú trì, hoặc chùa mà thiền sư ấy ở và hoạt động lâu nhất khi ngài trú trì nhiều nơi theo thời gian (như văn bia mộ ngài Phước Hậu, trú trì các chùa Trường Xuân, Linh Quang, Báo Quốc, xếp vào mục chùa Linh Quang)...

3. Về kết cấu của công trình này, chúng tôi thu thập văn bia vào từng tên chùa, và các chùa được sắp xếp lần lượt theo thứ tự bảng chữ cái có điều chỉnh theo âm mà chúng đại biểu, như sau: A, B, C, D, Đ, E, G (GH), I (Y), K, KH, L, M, N, NG (NGH), NH, O, PH, QU, R, S, T, TH, TR, U, V, X (chúng tôi coi các chữ cái ghép như CH, KH, NG, NH, TH, TR là một đơn vị phản ánh một âm thanh riêng biệt như C, K, T, khác với G và GH, NG và NGH).

4. Bản dịch này của chúng tôi có các đặc điểm:

a. Dịch sát đúng nguyên văn từ nội dung đến thể loại để phục vụ nghiên cứu (không phải phỏng dịch hay lược dịch), nhưng trong chừng mực nhất định cũng cố gắng trau chuốt về mặt văn chương.

b. Chú thích đầy đủ cả về từ ngữ lẫn về nhân vật, nhờ vào các phương tiện tra cứu, chủ yếu là từ điển và các sách, báo khác. Tuy nhiên nhiều khi cũng gặp phải

những điều bản thân chưa hiểu thấu, đành để tồn nghi, chờ tra cứu sau hay có bậc túc học chỉ bảo.

c. Trong văn bia thường có đoạn liệt kê danh sách công đức (những thiện nam, tín nữ cúng dường); chúng tôi xin linh động lược bỏ, nhưng cũng có khi cần thiết vẫn đưa vào, hoặc cắt ở phần nguyên văn, phiên âm, nhưng khôi phục ở phần dịch nghĩa.

5. Muốn nghiên cứu Phật giáo Huế, không thể không đọc văn bia nhà chùa. Nhưng văn bia nhà chùa đều bằng chữ Hán, mà lực lượng nghiên cứu ngày nay ít người thông thạo loại văn tự cổ điển này. Vì vậy, dịch văn bia (và các loại hình văn khắc khác) ra tiếng Việt là một việc làm cấp thiết. Kể ra thật khó khăn, vì muốn dịch cho thật tốt, cần phải am tường không chỉ Phật học, mà cả Nho học nữa. Chúng tôi tuy tài sơ trí thiểu, lại là một “Nho sinh” yêu thích Phật học chứ không phải là một Phật tử, nhưng đứng trước thực trạng khan hiếm tư liệu này, cũng xin mạo muội cáng đáng công việc vất vả, gọi là mở đầu, dù đúng dù sai, ắt có các bậc cao minh chỉ giáo, giúp đỡ hiệu đính, để trong tương lai sẽ có những bản dịch hoàn hảo hơn, tiện cho các nhà nghiên cứu lịch sử và Phật giáo sử dụng. Cuối cùng, tác giả xin trân trọng cảm ơn những người bạn đã giúp đỡ nhiều về mặt văn bản, đặc biệt hai anh Hà Xuân Liêm, nhà nghiên cứu Phật giáo Huế, và Huỳnh Đình Kết, cán bộ cơ quan Bảo tàng Huế. Xin cảm ơn người bạn trẻ Nguyễn Công Trí đã tận tình hỗ trợ dịch giả hoàn thành bản thảo. Xin trân trọng cảm ơn Ban Biên tập Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển đã tu chỉnh bản thảo và tạo mọi điều kiện thuận lợi để xuất bản công trình này.

Lê Nguyễn Lưu